TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 308/2017/DS-PT
Ngày 23-11-2017
V/v tranh chấp hợp đồng hụi và thuê nhà ở

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng hụi và thuê nhà ở"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D (T), sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 63A, ấp TL, xã TD, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Bích T), sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 63, ấp TL, xã TD, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 63A, ấp TL, xã TD, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hữu T1: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 63A, ấp TL, xã TD, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2017).

Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 265, ấp TL, xã TD, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T là bị đơn.

Chị D, chị T có mặt tại phiên tòa, chị Bé H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ D, chị D cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Nguyễn Thị Mỹ D có tham gia 15 dây hụi với tư cách là hụi viên do Nguvễn Thị T làm chủ cụ thể như sau:

+ Từ dây hụi thứ 1 đến dây hụi thứ 7, Nguyễn Thị T nợ Nguyễn Thị Mỹ D cộng chung 66.526.000 đồng;

+ Sau khi khấu trừ hụi sống, chết và trả tiền mặt với số tiền được hốt chưa giao từ dây hụi thứ 8 đến dây hụi thứ 15, Nguyễn Thị T nợ Nguyễn Thị Mỹ D cộng chung 98.409.000 đồng. Ngược lại, Nguyễn Thị Mỹ D còn nợ Nguyễn Thị T hụi sống, chết chưa đóng của 15 dây hụi kể trên cộng chung 33.133.000 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ tất cả 15 dây hụi kể trên Nguyễn Thị T còn nợ Nguyễn Thị Mỹ D 131.802.000 đồng [(66.526.000 đồng + 98.409.000 đồng) - 33.133.000 đong = 131.802.000 đồng].

Nguyễn Thị Mỹ D đồng ý nhận 23.000.000 đồng (đã trả 12.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng chưa trả) do Trần Thị Bé H trả thay cho Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Mỹ D; Nguyễn Hữu T1 đồng ý như đã thỏa thuận trừ 7.200.000 đồng còn nợ trong hợp đồng cho thuê nhà.

Do đó Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Nguyễn Thị T trả cho Nguyễn Thị Mỹ D vốn hụi 101.602.000 đồng {131.802.000 đồng - [23.000.000 đồng do Trần Thị Bé H trả thay (đã trả 12.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng chưa trả) + 7.200.000 đồng] = 101.602.000 đồng}, lãi không yêu cầu.

Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyễn Thị T thừa nhận Nguyễn Thị Mỹ D có tham gia 15 dây hụi với tư cách là hụi viên do Nguyễn Thị T làm chủ cụ thể như sau:

+ Từ dây hụi thứ 1 đến dây hụi thứ 7, Nguyễn Thị T nợ Nguyễn Thị Mỹ D cộng chung 34.437.000 đồng;

+ Sau khi khấu trừ hụi sống, chết và trả tiền mặt 15.000.000 đồng với số tiền được hốt chưa giao từ dây hụi thứ 8 đến dây hụi thứ 15, Nguyễn Thị T nợ Nguyễn Thị Mỹ D cộng chung 43.580.000 đồng.

Do đó Nguyễn Thị T tự nguyện có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Mỹ D vốn hụi 47.817.000 đồng {78.017.000 đồng - [23.000.000 đồng do Trần Thị Bé H trả thay (đã trả 12.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng chưa trả) +

7.200.000 đồng] = 47.817.000 đồng}.

Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải cùng ngày 09/6/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bé H tự nguyện có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Mỹ D 11.000.000 đồng (23.000.000 đồng - 12.000.000 đồng đã trả = 11.000.000 đồng) thay Nguyễn Thị T.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L đã xử:

1. Buộc:

1.1. Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Bích T) trả cho Nguyễn Thị Mỹ D (T) vốn hụi 108.802.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

1.2. Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Hữu T1 liên đới trả cho Nguyễn Thị T 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) trong hợp đồng thuê nhà ở.

1.3. Trần Thị Bé H trả cho Nguyễn Thị Mỹ D 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

2. Kể từ khi có đơn yêu cầu của những người được thi hành án dân sự, mà người phải thi hành án dân sự chưa thi hành xong nghĩa vụ thi hành án, thì phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

3.1. Nguyễn Thị T phải chịu 5.440.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 12610, ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Thị T còn phải chịu 5.140.000 đồng (Năm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Hữu T1 phải liên đới chịu 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về hợp đồng thuê nhà ở); Được khấu trừ 2.720.050 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 05902, ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ D số tiền chênh lệch là 2.360.050 đồng (Hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng).

3.3. Trần Thị Bé H phải chịu 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 8 năm 2017, chị Nguyễn Thị T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của chị T không đồng ý trả cho chi D số tiền 108.802.000 đồng, mà chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền 47.814.000 đồng.

[2] Xét thấy, chị T thừa nhận chị D có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ, tổng cộng là 15 dây hụi gồm hụi tháng, hụi nữa tháng, hụi tuần. Theo chị D trong quá trình chơi hụi chị D có đóng hụi sống, hụi chết, hốt hụi, nhưng chị T không giao tiền hụi cho rằng hụi bể. Sau khi không còn chơi hụi hai bên có tính sổ sách thì chị T còn nợ số tiền 131.802.000 đồng và cam kết hàng tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Chị T thừa nhận sau khi bể hụi thì hai bên có tính toán với nhau thì chị T còn nợ chị D số tiền 131.802.000 đồng và chị T cũng thừa nhận có viết tờ cam kết nợ 131.802.000 đồng trả dần hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng. Theo chị T số tiền nợ 131.802.000 đồng khi tính sổ sách là tính có lãi, nhưng chị T không chứng minh được số tiền 131.802.000 đồng tiền lãi là bao nhiêu.

[3] Tại biên bản ghi lời khai đối chất ngày 25/10/2017 chị T trình bày từng dây hụi cụ thể: Từ dây hụi thứ nhất đến dây hụi thứ bảy (do bể hụi) chị D đóng hụi sống được 34.437.000 đồng, dây hụi thứ 8 đến dây hụi thứ 15 chị D hốt hụi được 142.140.000 đồng, tổng cộng 15 dây hụi chị D đóng tiền hụi sống và tiền hốt hụi được 176.577.000 đồng, chị T đã giao tiền hốt hụi cho chị D được 15.000.000 đồng, chị Bé H trả nợ thay cho chị T 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T khai chị D còn nợ tiền hụi chết (từ dây hụi thứ 8 đến dây hụi thứ 15) là 33.133.000 đồng, chị D thừa nhận còn nợ tiền hụi chết là 33.133.000 đồng. Sau khi cấn trừ tiền hụi chết, tiền chị T đã giao, tiền chị Bé H trả nợ thay thì chị T còn nợ chị D 116.444.000 đồng (176.577.000đ - 33.133.000 đ - 12.000.000 đ - 15.000.000 đ = 116.444.000 đồng).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm chị T cho rằng, sau khi chị D hốt hụi chị T có giao tiền hụi cho chị D được tổng cộng 57.326.000 đồng, chị D chỉ thừa nhận là có nhận tiền mặt 15.000.000 đồng và chị Bé H trả nợ thay 12.000.000 đồng, tổng cộng là 27.000.000 đồng, nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh là đã giao tiền hụi cho chị D được 57.326.000 đồng, nên không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, theo lời trình bày của chị T ngày 25/10/2017 thì số tiền chị T nợ của chị D là 116.444.000 đồng, nhiều hơn số tiền chị D yêu cầu chị T trả 108.802.000 đồng, hướng có lợi cho chị T. Án sơ thẩm buộc chị T trả cho chị D 108.802.000 đồng là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy

định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 472 và Điều 481 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/2006//NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Bích T).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L.

1. Buộc chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Bích T) trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ D (T) số tiền 108.802.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền hụi.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Hữu T1 liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 7.200.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) trong hợp đồng Tê nhà ở.

3. Buộc chị Trần Thị Bé H trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ D 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 5.440.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 5.740.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm của chị T theo biên lai số 12610, ngày 24/4/2017 là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) và theo biên lai số 15390 ngày 15/9/2017 là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào tiền án phí. Chị T còn phải nộp 5.140.000 đồng (Năm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Nguyễn Hữu T phải liên đới chịu 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về hợp đồng Tê nhà ở). Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của chị D đã nộp theo biên lai số 05902, ngày 10/10/2016 là 2.720.050 đồng (Hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng), được trừ vào tiền án phí. Chị D được nhận lại 2.360.050 đồng (Hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trần Thị Bé H phải chịu 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Tấn Tặng